

Bản án số: 03/2025/KDTM-ST

Ngày 28-02-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Nguyễn Văn Trình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ: Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2024/TLST-KDTM ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 01 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2025/QĐST-KDTM ngày 14/02/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam V (Sau đây viết tắt là: VB). Địa chỉ: Số H, phường H, quận Đ, TP.Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức danh: Chủ tịch HĐQT. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Chức danh: Phó Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý. (Theo Giấy ủy quyền số 58/2023/UQ-HĐQT-VPB ngày 12/7/2023). Người được ủy quyền lại gồm các ông (bà): Nguyễn Huy P Nguyễn Mạnh S, Trần Đình L, Nguyễn Thị Xuân H, Hoàng Tấn T; cùng địa chỉ: Tầng 5, số 112 Phan T, phường Phước N, quận Hải C, TP.Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền số 06/2024/UQ-VPB ngày 01/6/2024); có mặt bà Hạ.

- Bị đơn: Công ty TNHH S. Địa chỉ: Số C, phường Hòa X, quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công D - Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ liên hệ: Số N, phường Hòa X, quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Công D, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ 21, phường Hòa A, quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng; vắng mặt.

2. Bà Liên Thị N, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ 21, phường Hòa A, quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay người đại diện của ngân hàng VB, bà Nguyễn Thị Xuân H trình bày:*

Giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam V với Công ty TNHH S đã ký các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ như sau:

1. Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số DNA/22279 ngày 22/10/2022 và Khế ước nhận nợ số: 241022-8482106-ONL-1 ngày 25/10/2022:

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số DNA/22279 ngày 22/10/2022:

Giá trị của hạn mức tín dụng: 11.000.000.000đ (Mười một tỷ đồng). Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xây dựng công trình điện. Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất được Bên ngân hàng và Bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của Bên vay và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Bên vay và Bên Ngân hàng. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Khế ước nhận nợ số: 241022-8482106-ONL-1 ngày 25/10/2022:

Số tiền nhận nợ: 3.523.000.000đ (Ba tỷ, năm trăm hai mươi ba triệu đồng). Thời hạn vay: 09 tháng. (Từ 25/10/2022 đến ngày 25/7/2023). Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng với số tiền nhận nợ. Mức lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 13.10%/năm. Lãi suất cố định trong vòng 01 tháng, sau đó, mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần và bằng: Lãi suất bán vốn tại thời điểm điều chỉnh + 4%/năm. Ngày điều chỉnh đầu tiên là: 25/11/2022. Trả nợ gốc: Trả hết toàn bộ nợ gốc của khế ước nhận nợ này một lần vào ngày 25/7/2023. Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 26 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 26/11/2022.

2. Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số DNA/22280 ngày 22/10/2022 và Khế ước nhận nợ số: 241022-8482106-ONL-2 ngày 25/10/2022:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số DNA/22280 ngày 22/10/2022:

Hạn mức cho vay: 12 tháng. Số tiền cho vay: 975.000.000đ (Chín trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xây dựng công trình điện. Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất được Bên ngân hàng và Bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của Bên vay và được quy

định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Bên vay và Bên Ngân hàng. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Khế ước nhận nợ số: 241022-8482106-ONL-2 ngày 25/10/2022:

Số tiền nhận nợ: 975.000.000đ (Chín trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Thời hạn vay: 12 tháng. (Từ 25/10/2022 đến ngày 25/10/2023). Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng với số tiền nhận nợ: Mức lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 21.20%/năm. Lãi suất cố định trong vòng 01 tháng, sau đó, mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần và bằng: Lãi suất bán vốn tại thời điểm điều chỉnh + 12.30%/năm. Ngày điều chỉnh đầu tiên là 25/11/2022. Các kỳ trả nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 26 (sau đây gọi là kỳ trả nợ gốc), kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 26/11/2022, tổng cộng gồm 12 kỳ. Số tiền nợ gốc mà Bên vay phải trả mỗi kỳ là 81.250.000đ (Tám mươi một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng). Kỳ trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 26 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 26/11/2022.

3. Biện pháp đảm bảo cho khoản vay:

- Hợp đồng thế chấp số: 11010 ngày 21/10/2022 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hải Sâm, TP Đà Nẵng:

Bên thế chấp: Ông Nguyễn Công D và Bà Liên Thị N; địa chỉ: Tổ 21, phường Hòa A, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Tài sản thế chấp: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 113, diện tích 100m², tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 622774, số vào sổ cấp GCN: CTs123432 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/03/2017; Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất nêu trên là: Nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 75 m² diện tích sàn: 156m²; tọa lạc tại địa chỉ: Lô 85-B1.21, Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa X – giai đoạn 2, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

- Hợp đồng bảo lãnh số: DNA/22279/HDBL ngày 22/10/2022 và Hợp đồng bảo lãnh số: DNA/22280/HDBL ngày 22/10/2022, ông Nguyễn Công D đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty TNHH S trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty TNHH S đối với bên VB phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được ký kết giữa Công ty TNHH S và VB.

4. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH S vi phạm nghĩa vụ trả nợ vào ngày 26/11/2022 nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn, tạm tính đến ngày 28/02/2025, Công ty TNHH S còn nợ VB với tổng số tiền là:

- Đối với Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số DNA/22279 ngày 22/10/2022 và Khế ước nhận nợ số: 241022-8482106-ONL-1 ngày 25/10/2022: Tổng dư nợ: 5.040.137.914 đồng; trong đó: nợ gốc 3.523.000.000 đồng, nợ lãi 1.517.137.914 đồng (lãi trong hạn 40.335.937 đồng, lãi quá hạn 1.468.029.274 đồng, lãi chậm trả 8.772.703 đồng).

- Đối với Hợp đồng cho vay số DNA/22280 ngày 22/10/2022 và Khế ước nhận nợ lần số: 241022-8482106-ONL-2 ngày 25/10/2022: Tổng dư nợ: 1.623.636.536 đồng; trong đó: nợ gốc 955.389.127 đồng, nợ lãi 668.247.409 đồng (lãi trong hạn 18.065.548 đồng, lãi quá hạn 646.088.654 đồng, lãi chậm trả 8.772.703 đồng).

Tổng cả hai khoản vay Công ty TNHH S còn nợ với số tiền là: Tổng dư nợ 6.663.774.450 đồng; trong đó, nợ gốc là 4.478.389.127 đồng, nợ lãi 2.185.385.323 đồng (lãi trong hạn 58.401.485 đồng, lãi quá hạn 2.114.117.928 đồng, lãi chậm trả 12.865.910 đồng).

Nay VB yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH S phải thanh toán ngay cho VB toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên, tạm tính đến ngày 28/02/2025 là: Tổng dư nợ 6.663.774.450 đồng; trong đó, nợ gốc là 4.478.389.127 đồng, nợ lãi 2.185.385.323 đồng (lãi trong hạn 58.401.485 đồng, lãi quá hạn 2.114.117.928 đồng, lãi chậm trả 12.865.910 đồng).

Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ cho đến ngày Công ty TNHH S thực tế thanh toán hết nợ cho VB.

Yêu cầu ông Nguyễn Công D có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty TNHH S trong việc trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam V theo các Hợp đồng bảo lãnh số: DNA/22279/HDBL ngày 22/10/2022 và Hợp đồng bảo lãnh số: DNA/22280/HDBL ngày 22/10/2022.

Trong trường hợp Công ty TNHH S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VB thì VB có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản đảm bảo sau để thu hồi nợ cho VB là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 113, diện tích 100m², tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 622774, sổ vào sổ cấp GCN: CTs123432 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/03/2017, đứng tên ông Nguyễn Công D và bà Liên Thị N; Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất nêu trên là: Nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 75 m² diện tích sàn: 156m²; tọa lạc tại địa chỉ: Lô 85-B1.21, Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa X – giai đoạn 2, phường

Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (địa chỉ mới: Số 464 đường Bùi Thiện Ngộ, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng).

VB có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty TNHH S, ông Nguyễn Công D để thu hồi khoản nợ vay.

** Bị đơn là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S do ông Nguyễn Công D là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án đã có trình bày như sau:*

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S xác nhận có ký hợp đồng tín dụng với VB để vay số tiền 4.498.000.000đ (bốn tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu đồng). Tài sản thế chấp là nhà đất tại thửa 464 đường Bùi Thiện Ngộ, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, đứng tên vợ chồng ông Nguyễn Công D và bà Liên Thị N, ngoài ra ông D còn bảo lãnh cho khoản vay này. Quá trình thực hiện hợp đồng do Công ty làm ăn gặp khó khăn nên chưa trả được nợ cho ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện, đại diện Công ty có ý kiến như sau:

Công ty mong muốn VB tạo điều kiện để công ty làm trả nợ, cụ thể tạo điều kiện ra hạn mức để Công ty có thể bảo lãnh đấu thầu và bảo lãnh tạm ứng để tiếp tục thực hiện các công trình trong năm 2024 - 2025.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Công D đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty và bà Liên Thị N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết vụ án đã có trình bày như sau:

Ông D trình bày như phần trình bày của người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S

Bà N không có ý kiến gì với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng pháp luật tố tụng, nhiều lần vắng mặt nên được xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Phiên tòa đã được mở lại nhiều lần nên quyền và nghĩa vụ của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được đảm bảo. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí, buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S hoàn trả lại cho VB.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án đã tiến hành thông báo, tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định và văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công D và bà Liên Thị N theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt. Như vậy, việc bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhiều lần vắng mặt tại phiên tòa được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP Việt Nam V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng thụ lý giải quyết về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn Công ty TNHH S; địa chỉ: Số C, phường Hòa X, quận Cẩm L, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của Ngân hàng là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam V với Công ty TNHH S đã ký các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và Khế ước nhận nợ, cụ thể:

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số DNA/22279 ngày 22/10/2022 (sau đây gọi chung là: Hợp đồng tín dụng) và Khế ước nhận nợ số: 241022-8482106-ONL-1 ngày 25/10/2022.

Theo đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam V cho Công ty TNHH S vay số tiền 3.523.000.000đ (ba tỷ, năm trăm hai mươi ba triệu đồng), thời hạn vay: 09 tháng (từ 25/10/2022 đến ngày 25/7/2023), lãi suất cho vay trong hạn áp dụng với số tiền nhận nợ, mức lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 13.10%/năm. Lãi suất cố định trong vòng 01 tháng, sau đó mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần và bằng: Lãi suất bán vốn tại thời điểm điều chỉnh + 4%/năm. Ngày điều chỉnh đầu tiên là 25/11/2022. Trả nợ gốc: Trả hết toàn bộ nợ gốc của khế ước nhận nợ này một lần vào ngày 25/7/2023. Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 26 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 26/11/2022.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số DNA/22280 ngày 22/10/2022 (sau đây gọi chung là: Hợp đồng tín dụng) và Khế ước nhận nợ lần số: 241022-8482106-ONL-2 ngày 25/10/2022.

Theo đó: Ngân hàng TMCP Việt Nam V cho Công ty TNHH S vay số tiền 975,000,000đ (chín trăm bảy mươi lăm triệu đồng), Thời hạn vay: 12 tháng (từ 25/10/2022 đến ngày 25/10/2023), lãi suất cho vay trong hạn áp dụng với số tiền nhận nợ, mức lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 21.20%/năm. Lãi suất cố định trong vòng 01 tháng, sau đó, mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần và bằng: Lãi suất bán vốn tại thời điểm điều chỉnh + 12.30%/năm. Ngày điều chỉnh đầu tiên là 25/11/2022. Các kỳ trả nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 26 (sau đây gọi là kỳ trả nợ gốc), kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 26/11/2022, tổng cộng gồm 12 kỳ. Số tiền nợ gốc mà Bên vay phải trả mỗi kỳ là 81.250.000đ (tám mươi một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng). Kỳ trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 26 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 26/11/2022.

Xét thấy, theo các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam V với Công ty TNHH S đều đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, khi ký kết hai bên hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng phát sinh hiệu lực và được pháp luật bảo vệ.

Tính từ lúc vay tiền 25/10/2022 đến thời điểm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam V làm đơn khởi kiện ngày 24/7/2024 đã quá thời hạn thanh toán của hai hợp đồng tín dụng, nhưng Công ty TNHH S vẫn không trả tiền cho ngân hàng nên việc ngân hàng khởi kiện Công ty TNHH S trả tiền là phù hợp.

Theo các tài liệu chứng minh được trong thời gian vay Công ty TNHH S chỉ trả được cho ngân hàng số tiền gốc 19.610.873đ (mười chín triệu, sáu trăm mười ngàn, tám trăm bảy mươi ba đồng), từ ngày 26/11/2022 Công ty TNHH S đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho ngân hàng nên toàn bộ khoản vay tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã chuyển qua nợ quá hạn, tạm tính đến ngày 28/02/2025, cụ thể:

- Đối với Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số DNA/22279 ngày 22/10/2022 và Khế ước nhận nợ số: 241022-8482106-ONL-1 ngày 25/10/2022: Tổng dư nợ: 5.040.137.914 đồng; trong đó: nợ gốc 3.523.000.000 đồng, nợ lãi 1.517.137.914 đồng (lãi trong hạn 40.335.937 đồng, lãi quá hạn 1.468.029.274 đồng, lãi chậm trả 8.772.703 đồng).

- Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số DNA/22280 ngày 22/10/2022 và Khế ước nhận nợ lần số: 241022-8482106-ONL-2 ngày 25/10/2022: Tổng dư nợ: 1.623.636.536 đồng; trong đó: nợ gốc 955.389.127 đồng, nợ lãi 668.247.409 đồng (lãi trong hạn 18.065.548 đồng, lãi quá hạn 646.088.654 đồng, lãi chậm trả 8.772.703 đồng).

Tổng cả hai khoản vay Công ty TNHH S còn nợ ngân hàng với số tiền là: 6.663.774.450 đồng; trong đó, nợ gốc là 4.478.389.127 đồng, nợ lãi là 2.185.385.323 đồng (trong đó, nợ lãi trong hạn là 58.401.485 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.114.117.928 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 12.865.910 đồng). Ông Nguyễn Công

D là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S thừa nhận còn nợ tiền như trình bày của ngân hàng. Do đó, Ngân hàng TMCP Việt Nam V khởi kiện Công ty TNHH S, đề nghị Công ty TNHH S thanh toán tổng số tiền của hai hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ là: 6.663.774.450 đồng; trong đó, nợ gốc là 4.478.389.127 đồng, nợ lãi là 2.185.385.323 đồng (trong đó, nợ lãi trong hạn là 58.401.485 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.114.117.928 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 12.865.910 đồng) là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp số: 11010 ngày 21/10/2022 ký giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam V với Công ty TNHH S thì thấy:

Ông Nguyễn Công D và bà Liên Thị N đã dùng tài sản là: Thửa đất số 223, tờ bản đồ số: 113 và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là: Nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 75m², diện tích sàn: 156m² nằm tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 622774, số vào sổ cấp GCN: CTs123432 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/03/2017 đứng tên ông D và bà N để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH S tại Hợp đồng thế chấp số: 11010 ngày 21/10/2022. Xét Hợp đồng thế chấp số: 11010 ngày 21/10/2022 được hai bên ký tự nguyện, nhằm bảo đảm cho hai khoản vay của Công ty TNHH S, hợp đồng đảm bảo về mặt nội dung và hình thức, có công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hải Sâm, TP Đà Nẵng; có đăng ký giao dịch bảo đảm và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng ký xác nhận ngày 21/10/2022 nên phát sinh hiệu lực. Do Công ty TNHH S chưa thanh toán nợ nên Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán nghĩa vụ trả nợ là phù hợp.

[2.3] Xét Hợp đồng bảo lãnh số: DNA/22279/HDBL ngày 22/10/2022 và Hợp đồng bảo lãnh số: DNA/22280/HDBL ngày 22/10/2022 ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam V với ông Nguyễn Công D thì thấy:

Ông Nguyễn Công D là người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH S, vừa là người ký hai hợp đồng bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH S để vay tiền của VB. Ông D đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty TNHH S trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty TNHH S đối với bên VB phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được ký kết giữa Công ty TNHH S và VB, khi ký kết hợp đồng bảo lãnh các bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc, đảm bảo về mặt hình thức và nội dung nên phát sinh hiệu lực. Do Công ty TNHH S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VB nên ông Nguyễn Công D có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty TNHH S trong việc trả nợ cho ngân hàng theo Hợp đồng bảo lãnh số: DNA/22279/HDBL ngày 22/10/2022 và Hợp đồng bảo lãnh số: DNA/22280/HDBL ngày 22/10/2022 cho đến khi nào Công ty TNHH S tất toán xong khoản vay cho VB.

[3] Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 01/3/2025 cho đến khi Công ty TNHH S trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số DNA/22279 ngày 22/10/2022, Khế ước nhận nợ số: 241022-8482106-ONL-1 ngày 25/10/2022 và Hợp đồng cho vay hạn mức số DNA/22280 ngày 22/10/2022, Khế ước nhận nợ lần số: 241022-8482106-ONL-2 ngày 25/10/2022.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc bị đơn Công ty TNHH S phải chịu số tiền 114.663.774đ (một trăm mười bốn triệu, sáu trăm sáu mươi ba ngàn, bảy trăm bảy mươi tư đồng). Hoàn trả lại cho nguyên đơn VB số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000đ (ba triệu đồng), bị đơn Công ty TNHH S phải chịu theo quy định của pháp luật. Do nguyên đơn VB đã nộp nên buộc bị đơn Công ty TNHH S trả lại cho nguyên đơn VB.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 299, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam V đối với bị đơn Công ty TNHH S về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH S thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam V số tiền nợ phát sinh tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số DNA/22279 ngày 22/10/2022 và Khế ước nhận nợ số 241022-8482106-ONL-1 ngày 25/10/2022, tạm tính đến ngày 28/02/2025 là 5.040.137.914đ (năm tỷ, không trăm bốn mươi triệu, một trăm ba mươi bảy ngàn, chín trăm mười bốn đồng); trong đó: nợ gốc 3.523.000.000 đồng, nợ lãi 1.517.137.914 đồng (lãi trong hạn là 40.335.937 đồng, lãi quá hạn là 1.468.029.274 đồng, lãi chậm trả lãi là 8.772.703 đồng).

2. Buộc Công ty TNHH S thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam V số tiền nợ phát sinh tại Hợp đồng cho vay hạn mức số DNA/22280 ngày 22/10/2022 và Khế ước nhận nợ lần số 241022-8482106-ONL-2 ngày 25/10/2022, tạm tính đến ngày 28/02/2025 là 1.623.636.536đ (một tỷ, sáu trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm ba mươi sáu đồng); trong đó: nợ gốc

955.389.127 đồng, nợ lãi 668.247.409 đồng (lãi trong hạn là 18.065.548 đồng, lãi quá hạn là 646.088.654 đồng, lãi chậm trả lãi là 8.772.703 đồng).

Tổng số tiền nợ [1+2] Công ty TNHH S phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam V, tạm tính đến ngày 28/02/2025 là 6.663.774.450đ (sáu tỷ, sáu trăm sáu mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi tư ngàn, bốn trăm năm mươi đồng); trong đó, nợ gốc là 4.478.389.127 đồng, nợ lãi 2.185.385.323 đồng (lãi trong hạn là 58.401.485 đồng, lãi quá hạn là 2.114.117.928 đồng, lãi chậm trả lãi là 12.865.910 đồng).

3. Trường hợp Công ty TNHH S không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho ngân hàng, Ngân hàng TMCP Việt Nam V được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự (Cơ quan thi hành án dân sự) có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo là: Thửa đất số 223, tờ bản đồ số: 113, diện tích 100m² và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là: Nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 75m², diện tích sàn: 156m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 622774, số vào sổ cấp GCN: CTs 123432 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/3/2017; tọa lạc tại địa chỉ: Lô 85-B1.21, Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa X – giai đoạn 2, phường Hòa X, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Nguyễn Công D, bà Liên Thị N để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam V.

4. Trường hợp Công ty TNHH S không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ hoặc khoản tiền thu được từ việc bán tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam V, thì ông Nguyễn Công D phải có trách nhiệm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty TNHH S trong việc trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam V theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo lãnh số: DNA/22279/HDBL ngày 22/10/2022 và Hợp đồng bảo lãnh số: DNA/22280/HDBL ngày 22/10/2022.

5. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 01/3/2025 cho đến khi Công ty TNHH S trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số DNA/22279 ngày 22/10/2022 và Khế ước nhận nợ số 241022-8482106-ONL-1 ngày 25/10/2022; Hợp đồng cho vay hạn mức số DNA/22280 ngày 22/10/2022 và Khế ước nhận nợ lần số 241022-8482106-ONL-2 ngày 25/10/2022.

6. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (ba triệu đồng), Ngân hàng TMCP Việt Nam V đã nộp và chi xong. Buộc Công ty TNHH S có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng.

7. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH S phải chịu 114.663.774đ (một trăm mười bốn triệu, sáu trăm sáu mươi ba ngàn, bảy trăm bảy mươi tư đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam V số tiền tạm ứng án phí 57.030.235đ (năm mươi bảy triệu, không trăm ba mươi ngàn, hai trăm ba mươi lăm đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001913 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng.

8. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 28/02/2025.

Riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh